

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày: 18 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế;
2. Ông Đỗ Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lý Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn D, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Tháp; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 352, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Số 352, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị Thanh E; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 22/12/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 08 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, được đặc xá ngày 30/08/2013; tạm giữ ngày: 11/6/2019; trả tự do ngày 20/6/2019; bị cáo D hiện đang tại ngoại; bị cáo D có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lưu Thành N, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 472 ấp H, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Bị hại N vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Lưu Thành K, sinh năm 1978; Vắng mặt tại phiên tòa.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; Có mặt tại phiên tòa.
3. Chị Ngô Thị Diễm T, sinh năm 1994; Có mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại: Số 472A ấp H, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Vắng mặt tại phiên tòa.
5. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960; Vắng mặt tại phiên tòa.
6. Chị Nguyễn Thị Thanh E, sinh năm 1964; Có mặt tại phiên tòa.
7. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1985; Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại: Số 352B ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

8. Anh Võ Văn L, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 355 ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Anh Lê Thanh M, sinh năm 1989; cư trú tại: Số 727 ấp N, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn giữa hai gia đình từ trước. Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 10/06/2019, sau khi uống rượu về bị cáo D nhớ lại việc trước đây anh em của Lưu Thành N đánh và gây thương tích cho cha và anh của bị cáo D và có lời lẽ khiêu khích gia đình nên bị cáo D từ nhà đi sang nhà anh N tại ấp A, xã Đ, huyện LV (nhà N ở đối diện, cách nhà của bị cáo D khoảng 50 mét) để tìm N nói chuyện. Lúc này, N đang ngồi trong nhà thì thấy bị cáo D đi đến. Biết bị cáo D sang để gây sự nên N bỏ vào nhà và đóng cửa lại thì bị cáo D nhặt một cục gạch ống ở sạp bán hàng gần đó ném vào nhà của anh N nhưng không gây thiệt hại gì. Bị cáo D nhìn quanh thì phát hiện xe mô tô 66V1-126.34 của anh N đang để trước cửa nhà nên đi tìm và nhặt một khúc gỗ vuông kích thước đầu lớn 3,6cm, đầu nhỏ 2,9cm, chiều dài 45cm ở sạp tạp hóa gần đó đập vào xe của N một cái làm chiếc xe ngã, bị cáo D tiếp tục đỡ xe lên và dẫn ra ngoài đường dal cách vị trí ban đầu khoảng 04 mét và tiếp tục dùng cây đập và dùng gạch ném liên tiếp 2-3 cái nữa gây hư hỏng nhiều bộ phận của xe, đồng thời dùng nhiều lời lẽ thô tục xúc phạm gia đình của anh N.

Trong lúc đập phá xe của anh N, bị cáo D phát hiện một cái ví da, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus và 01 điện thoại Nokia 1010 từ cốp xe của anh N rơi ra nên nhặt đem về nhà ném ví của anh N xuống nền gạch rồi tiếp tục ném nhiều cái làm 02 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus và Nokia của anh N hư hỏng hoàn toàn. Sau khi sự việc xảy ra anh N trình báo Công an xã Đ, đến ngày 11/06/2019 D bị bắt giữ.

Đối với tang vật:

- Tại hiện trường 03 viên gạch ống đã cũ bị vỡ, 01 đoạn gỗ vuông kích thước đầu lớn 3,6cm, đầu nhỏ 2,9cm, chiều dài 45cm.

- Trả lại cho anh Lưu Thành N:

+ Trả lại anh Lưu Thành N 01 xe mô tô biển số 66V1-126.34.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu đen (đã bị hư hỏng); 01 màn hình điện thoại, phần lưng chứa bo mạch chính và pin điện thoại Iphone 6Plus (đã bị hư hỏng).

+ Một cái ví da màu nâu có khắc dòng chữ “Luu Thành N” và dãy chữ số 0926.936.991 bên trong chứa: 1.607.000 đồng; một chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 thẻ ATM cùng mang tên Luu Thành N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/HĐGD-TS, ngày 19/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện LV kết luận: Tổng giá trị thiệt hại tài sản là 5.400.000 đồng. Trong đó, giá trị thiệt hại của xe mô tô 66V1-126.34 là 1.250.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S Plus trị giá 4.000.000 đồng, 01 điện thoại Nokia trị giá 150.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên của Hội đồng định giá.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho anh N 7.550.000 đồng, anh N không yêu cầu bồi thường thêm và viết đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với D.

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKSLVo ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D ra Tòa án nhân dân huyện LV để xét xử về tội “Hủy hoại tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại Dện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản”.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức hình phạt từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tài sản thu giữ và vật chứng của vụ án: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng trên.

Về dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong nên không xem xét giải quyết.

- Bị cáo Nguyễn Văn D đồng ý phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị hại Luu Thành N và những người làm chứng anh Luu Thành K, anh Lê Thanh M, chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Đức D, anh Võ Văn L, chị Nguyễn Thị T2 và bị cáo D nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng và nội dung vụ

án như đã nêu ở trên, tại phần tranh luận bị cáo D cũng không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị Dễm T, bà Nguyễn Thị Thanh E có mặt tại phiên tòa, đã cung cấp lời khai phù hợp với lời khai đã cung cấp cho các Cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố của vụ án cũng như phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến quá trình xảy ra vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện LV, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do hai gia đình có mâu thuẫn từ trước và có uống ít rượu nên tức giận mà thực hiện hành vi phạm tội.

Lời thừa nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với nội dung cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo đã không phát biểu tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã có hành vi đập phá xe, điện thoại di động của bị hại N, gây thiệt hại về tài sản như đã nêu trên cho bị hại, từ đó cho thấy bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ thể lực và trí lực nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Từ những phân tích trên cho thấy đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội “Hủy hoại tài sản” của bị cáo Nguyễn Văn D quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, vi phạm nếp sống văn minh của xã hội, sự yên bình của địa phương. Xét bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo đã từng bị Tòa án kết án 08 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Nay bị cáo tiếp tục phạm tội hủy hoại tài sản như đã nêu và phân tích trên. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo học tập, lao động và có điều kiện trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chỉ vì suy nghĩ nông cạn, bị cáo là người không biết chữ, nhất thời phạm tội. Bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại đồng thời bị hại viết đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo D, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[6]. Cáo trạng số: 28/CT-VKSLVo ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 03 viên gạch ống cũ, đã vỡ, 01 đoạn gỗ vuông kích thước đầu lớn 3,6cm, đầu nhỏ 2,9cm, chiều dài 45cm là vật chứng trong vụ án đã không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Do đã thỏa thuận bồi thường xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Bị cáo Nguyễn Văn D bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hủy hoại tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;
 - Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn D đi chấp hành hình phạt tù. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11 tháng 6 năm 2019 đến ngày 20 tháng 6 năm 2019.
3. Về dân sự: Không xem xét giải quyết.
4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy:

- + 03 viên gạch ống đã cũ bị vỡ;
- + 01 đoạn gỗ vuông kích thước đầu lớn 3,6cm, đầu nhỏ 2,9cm, chiều dài 45cm.

Toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV giữ theo Biên bản giao nhận tang vật, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LV với Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Nguyễn Văn D có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Lưu Thành N vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CQ CSĐT Công an huyện LV;
- CC THADS huyện LV;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu: HSVA, VPTA (P).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến